



Thứ hai, ngày 4 tháng 3 năm 2019

Vietnam Daily Review

Tiếp đà hồi phục

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 5/3/2019		•	
Tuần 4/3-8/3/2019		•	
Tháng 2/2019		•	

Điểm nhấn

- Chỉ số VN-Index tăng điểm trong phiên sáng, trong phiên chiều đã tăng có phần chững lại.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm VIC (+2.045 điểm); VHM (+2.044 điểm); GAS (+1.34 điểm); PLX (+0.79 điểm); VNM (+0.69 điểm).
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm YEG (-0.16 điểm); TCH (-0.116 điểm); PPC (-0.11 điểm); POW (-0.1 điểm); NT2 (-0.05 điểm).
- Dòng tiền tập trung vào nhóm cổ phiếu ngành dầu khí và tài nguyên cơ bản, thanh khoản tăng đáng kể so với phiên giao dịch ngày hôm qua.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên đạt 4,316.41 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên là 11.13 điểm. Thị trường có 230 mã tăng và 94 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index tăng 14.36 điểm, đóng cửa tại 993.99 điểm. Cùng lúc đó, HNX-Index tăng 1.27 điểm lên 108.53 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã bán ròng 137.46 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã VNM (65.5 tỷ), VJC (42.08 tỷ) và MSN (27.99 tỷ). Bên cạnh đó, họ đã mua ròng 4.23 tỷ đồng trên sàn HNX.

Nhận định thị trường

Chỉ số VN-Index trong phiên sáng tăng điểm do lực mua lớn tập trung ở nhóm cổ phiếu blue-chips như VIC, VHM, GAS và VNM. Trong phiên chiều, đã tăng có phần chững lại, bởi lực mua ở nhóm cổ phiếu này cũng phần nào đi ngang. Khối ngoại bán ròng và thanh khoản tăng đáng kể so với phiên trước. Theo quan điểm của BSC, thị trường tiếp tục có phiên hồi phục tích cực sau khi đã giảm mạnh từ ngưỡng tâm lý 1000 điểm. Tuy nhiên mức hồi phục là khá nóng, và đã gần áp sát mốc 1000 điểm. Nhà đầu tư nên thận trọng quan sát và giảm tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục đầu tư.

Phân tích kỹ thuật:

HSG_Xu hướng hồi phục

(Vui lòng tải và xem trang 2)

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

VN-INDEX 993.99

Giá trị: 4316.42 tỷ **14.36 (1.47%)**

Khối ngoại (ròng): -137.46 tỷ

HNX-INDEX 108.53

Giá trị: 619.99 tỷ **1.27 (1.18%)**

Khối ngoại (ròng): 4.23 tỷ

UPCOM-INDEX 56.04

Giá trị: 305.08 tỷ **0.36 (0.65%)**

Khối ngoại (ròng): 12.18 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	56.0	0.41%
Giá vàng	1,286	-0.54%
Tỷ giá USD/VND	23,200	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	26,546	0.86%
Tỷ giá JPY/VND	20,733	0.07%
LS liên NH 1 tháng	0.0%	0.00%
LS TPCP 5 năm	3.8%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
BU'E	48.7	VNM	65.5
HPG	24.0	VJC	42.1
SSI	20.1	MSN	28.0
VCB	19.4	VHM	22.3
VIC	10.5	CTD	13.6

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường	Trang 1
Phân tích kỹ thuật	Trang 2
Danh mục khuyến nghị	Trang 3
Cổ phiếu lớn	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

Cập nhật cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

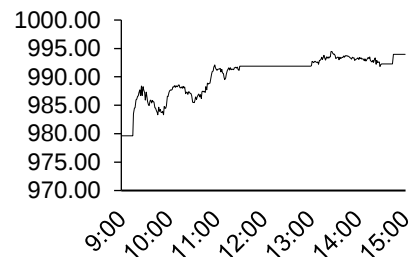
Mã	Thanh khoản (tr \$)	Đóng cửa (nghìn)	Hỗ trợ (nghìn)	Kháng cự (nghìn)	Trạng thái	Ghi chú
VJC	5.2	120.9	118.10	117.50	NGƯNG BÁN	Giảm giá kéo dài
DHG	1.5	119.0	95.51	72.70	NGƯNG MUA	Tăng giá kéo dài
VIC	3.4	117.4	114.30	98.80	NGƯNG BÁN	Tăng giá kéo dài
GAS	4.7	103.0	95.74	87.50	MUA	Tăng giá kéo dài
PNJ	2.8	100.9	96.92	86.40	NGƯNG MUA	Tăng giá kéo dài
BVH	0.5	96.5	93.17	92.20	MUA	Tăng giá kéo dài
VHC	0.9	96.5	91.42	91.10	MUA	Tăng giá kéo dài
VHM	3.6	93.2	88.22	77.50	NGƯNG MUA	Tăng giá kéo dài
MSN	5.0	89.5	86.95	77.50	NGƯNG MUA	Tăng giá kéo dài
MWG	3.0	89.0	86.72	82.00	NGƯNG MUA	Tăng giá kéo dài

Đăng Quang

quangd@bsc.com.vn

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

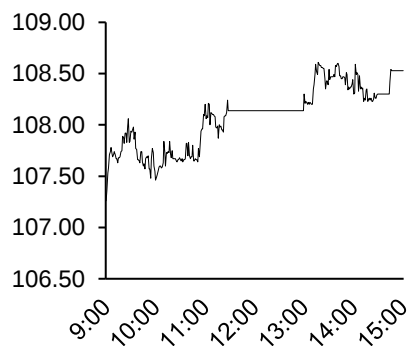
Phân tích kỹ thuật

HSG_Xu hướng hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: bức phá trong ngắn hạn và giữ đà hồi phục trong trung hạn
- Chỉ báo xu hướng MACD: MACD vượt trên đường tín hiệu và ở dưới đường trung tâm.
- Chỉ báo RSI: đang ở trong vùng mua và đang tiến dần về vùng quá mua
- Đường MA: tất cả các đường MA tiếp tục vận động hướng lên và tăng độ dốc.

Nhận định:HSG đang vận động trên mốc hỗ trợ 9.61 và trong vùng hồi phục từ vùng đáy 5.96 cuối tháng 12/2018. Thanh khoản cổ phiếu trong trạng thái tích cực với thanh khoản tiếp tục tăng mạnh trở lại từ đầu tháng 2/2019. Chỉ báo RSI vận động trong vùng mua, có khả năng tiến vào vùng quá mua và ủng hộ khả năng bức phá ngắn hạn và chỉ báo MACD cho thấy dấu hiệu HSG tiếp tục tăng giá trong các phiên sau. Vận động các đường MA tiếp tục cho thấy đà hồi phục trong ngắn hạn và trung hạn. Nếu cổ phiếu tiếp tục vận động hồi phục vượt mốc hỗ trợ 10.48, HSG có khả năng sẽ tiếp tục đà hồi phục trước khi gặp ngưỡng kháng cự mạnh tại vùng 11.91 – 12.55 và đỉnh tháng 10/2018 ở mốc 13.3. Nếu HSG không vượt được mốc 10.48, HSG sẽ quay lại kiểm tra vùng giá 8.75 – 9.61 trước khi bắt đầu xu hướng mới.



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Hợp đồng tương lai

Ticker	Đóng	± Ngày	± KLGD
VN30F1903	926.9	1.9%	-21.9%
VN30F1904	924.0	1.7%	-12.7%
VN30F1906	921.6	11.5%	11.5%
VN30F1909	922.0	1.6%	159.7%

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HPG	35	3.2	1.9
VIC	117	2.0	1.4
TCB	27	1.5	1.3
VHM	93	2.4	1.2
VPB	21	2.4	1.2

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
ROS	34	0	0.0
SBT	20	0	0.0
CTD	134	0	0.0
DHG	119	0	0.0
DPM	20	0	0.0



Danh mục khuyến nghị

Danh mục ngắn hạn

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	REE	20/7/2018	32.70	33.10	1.2%	30.1	37.6
2	HT1	22/8/2018	12.60	16.30	29.4%	11.6	14.5
3	PTB	10/4/2018	64.00	63.90	-0.2%	58.9	73.6
4	PVD	9/1/2019	15.50	18.40	18.7%	14.3	17.8
5	VJC	25/1/2019	122.50	120.90	-1.3%	112.7	140.9
Trung bình					12.3%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục CANSLIM

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	HCM	1/3/2019	22.3	29.50	32.3%	21.2	26.8
Trung bình					32.3%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục cơ bản

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	TCB	31/10/2018	26.9	27.0	0.4%	25.0	30.0
2	POW	12/4/2018	15.6	16.5	5.4%	14.4	18.7
Trung bình					2.9%		

Nguồn: BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	89.0	1.7%	0.7	1,715	3.0	6,696	13.3	4.4	49.0%	38.7%	
PNJ	Bán lẻ	100.9	2.4%	1.0	733	2.8	5,874	17.2	4.5	49.0%	28.7%	
BVH	Bảo hiểm	96.5	3.0%	1.3	2,941	0.5	1,519	63.5	4.6	24.8%	7.3%	
PVI	Bảo hiểm	36.0	2.0%	0.7	362	0.1	2,230	16.1	1.2	43.9%	7.6%	
VIC	Bất động sản	117.4	2.0%	1.1	16,291	3.4	1,126	104.3	6.6	9.2%	8.0%	
VRE	Bất động sản	34.4	1.0%	1.1	3,478	2.4	1,033	33.2	2.8	32.0%	8.8%	
NVL	Bất động sản	59.5	0.5%	0.8	2,407	1.3	3,452	17.2	2.9	6.9%	20.1%	
REE	Bất động sản	33.1	0.2%	1.1	446	1.2	5,754	5.8	1.1	49.0%	20.6%	
DXG	Bất động sản	26.1	4.4%	1.4	396	4.3	3,415	7.6	1.8	49.0%	26.7%	
SSI	Chứng khoán	28.9	2.5%	1.3	640	2.9	2,611	11.1	1.6	59.1%	14.8%	
VCI	Chứng khoán	43.5	-1.1%	1.0	308	0.4	5,047	8.6	1.9	41.1%	24.7%	
HCM	Chứng khoán	29.5	0.3%	1.5	388	0.8	2,650	11.1	2.5	60.1%	23.1%	
FPT	Công nghệ	45.0	0.9%	0.9	1,200	1.6	3,902	11.5	2.2	49.0%	21.9%	
FOX	Công nghệ	52.0	0.0%	0.4	511	0.0	3,453	15.1	3.9	0.2%	26.5%	
GAS	Dầu khí	103.0	3.0%	1.5	8,571	4.7	6,216	16.6	4.3	3.5%	27.8%	
PLX	Dầu khí	60.4	3.1%	1.5	3,043	8.9	3,203	18.9	3.4	10.8%	18.1%	
PVS	Dầu khí	21.8	3.3%	1.7	453	4.7	2,185	10.0	0.9	25.0%	9.5%	
BSR	Dầu khí	14.1	2.9%	0.8	1,901	1.4	#N/A	N/A	N/A	N/A	41.1%	23.0%
DHG	Dược	119.0	0.0%	0.6	676	1.5	4,448	26.8	5.0	45.4%	19.8%	
DPM	Hóa chất	20.5	0.0%	0.7	348	0.4	1,551	13.2	1.0	22.9%	8.8%	
DCM	Hóa chất	9.2	2.7%	0.7	212	0.5	1,115	8.3	0.8	3.2%	9.5%	
VCB	Ngân hàng	62.8	1.0%	1.3	10,127	3.7	4,070	15.4	3.5	23.5%	25.2%	
BID	Ngân hàng	33.6	2.3%	1.6	4,994	1.3	2,152	15.6	2.2	3.1%	15.1%	
CTG	Ngân hàng	21.2	1.9%	1.6	3,432	6.2	1,456	14.6	1.2	29.4%	8.3%	
VPB	Ngân hàng	21.4	2.4%	1.2	2,286	2.9	2,989	7.2	1.5	23.2%	22.8%	
MBB	Ngân hàng	22.2	1.6%	1.2	2,081	3.5	2,829	7.8	1.5	20.0%	20.1%	
ACB	Ngân hàng	30.4	1.3%	1.1	1,648	4.1	4,119	7.4	1.8	34.3%	27.7%	
BMP	Nhựa	53.1	-1.7%	0.9	189	0.4	5,230	10.2	1.8	76.6%	17.5%	
NTP	Nhựa	37.5	-1.3%	0.3	146	0.0	3,715	10.1	1.5	22.5%	15.3%	
MSR	Tài nguyên	19.1	0.5%	1.2	747	0.1	229	83.5	1.5	2.1%	1.8%	
HPG	Thép	35.4	3.2%	1.1	3,264	7.7	4,037	8.8	1.9	39.7%	23.6%	
HSG	Thép	10.0	7.0%	1.5	166	4.1	355	28.1	0.7	15.9%	2.6%	
VNM	Tiêu dùng	142.9	1.1%	0.8	10,819	5.4	5,294	27.0	9.7	59.7%	37.5%	
SAB	Tiêu dùng	242.0	0.0%	0.8	6,747	0.5	6,334	38.2	10.3	9.8%	29.4%	
MSN	Tiêu dùng	89.5	0.6%	1.2	4,526	5.0	4,578	19.5	3.5	42.2%	22.2%	
SBT	Tiêu dùng	19.8	-0.3%	0.6	452	1.5	290	68.3	1.7	11.5%	2.8%	
ACV	Vận tải	88.9	1.1%	0.8	8,415	0.2	1,883	47.2	7.1	3.6%	15.9%	
VJC	Vận tải	120.9	0.8%	1.1	2,847	5.2	9,632	12.6	4.7	22.2%	42.6%	
HVN	Vận tải	42.9	5.9%	1.7	2,645	3.9	1,727	24.8	3.5	9.5%	14.6%	
GMD	Vận tải	28.1	1.4%	0.9	363	0.5	6,153	4.6	1.4	49.0%	29.4%	
PVT	Vận tải	17.6	3.5%	0.7	215	0.7	2,317	7.6	1.2	33.1%	16.9%	
VCS	Vật liệu xây dựng	67.6	-0.4%	0.9	461	0.5	6,057	11.2	3.9	2.5%	43.8%	
VGC	Vật liệu xây dựng	22.1	2.3%	0.9	431	3.8	1,254	17.6	1.6	18.7%	9.0%	
HT1	Vật liệu xây dựng	16.3	2.5%	0.8	270	0.4	1,690	9.6	1.2	5.9%	12.5%	
CTD	Xây dựng	134.2	0.0%	0.8	446	0.9	18,357	7.3	1.3	46.5%	18.8%	
VCG	Xây dựng	27.9	-1.1%	1.2	536	1.5	1,021	27.3	1.8	0.0%	7.5%	
CII	Xây dựng	23.3	0.2%	0.5	251	0.9	334	69.8	1.2	51.9%	1.6%	
POW	Điện	16.5	-1.5%	0.6	1,675	1.5	716	23.0	1.6	15.4%	6.8%	
NT2	Điện	28.5	-2.4%	0.6	357	0.4	2,618	10.9	2.2	23.3%	17.4%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	93.20	2.42	2.25	910620.00
VIC	117.40	2.00	2.24	660550.00
GAS	103.00	3.00	1.75	1.06MLN
VNM	142.90	1.06	0.80	876760.00
BID	33.60	2.28	0.78	918340.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	30.40	1.33	0.49	3.12MLN
PVS	21.80	3.32	0.17	4.99MLN
VGC	22.10	2.31	0.10	3.96MLN
DGC	44.40	3.26	0.09	177700.00
CEO	14.30	5.93	0.08	3.48MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
POW	16.45	-1.50	-0.18	2.02MLN
YEG	227.90	-6.98	-0.16	17190.00
TCH	22.80	-5.39	-0.14	2.45MLN
PPC	22.90	-4.58	-0.11	1.23MLN
NT2	28.50	-2.40	-0.06	301040.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DNP	14.00	-6.67	-0.05	9500.00
VCG	27.90	-1.06	-0.02	1.25MLN
SJ1	20.50	-8.89	-0.02	400.00
TV3	39.80	-9.95	-0.02	7300.00
AMV	33.00	-2.37	-0.01	9700.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PXS	4.28	7.00	0.01	288680.00
HSG	9.95	6.99	0.08	9.70MLN
D2D	88.80	6.99	0.02	109070.00
DLG	1.38	6.98	0.01	4.07MLN
APC	33.90	6.94	0.01	104450.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HKB	0.80	14.29	0.00	2000.00
SPI	0.80	14.29	0.00	316000.00
NDN	13.20	10.00	0.05	1.33MLN
VE3	7.70	10.00	0.00	100.00
VGS	13.20	10.00	0.05	770900.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
YEG	227.90	-6.98	-0.16	17190.00
MDG	12.00	-6.98	0.00	600.00
PGI	15.35	-6.97	-0.03	600.00
DAT	19.45	-6.94	-0.02	150.00
CMV	15.60	-6.87	0.00	10.00

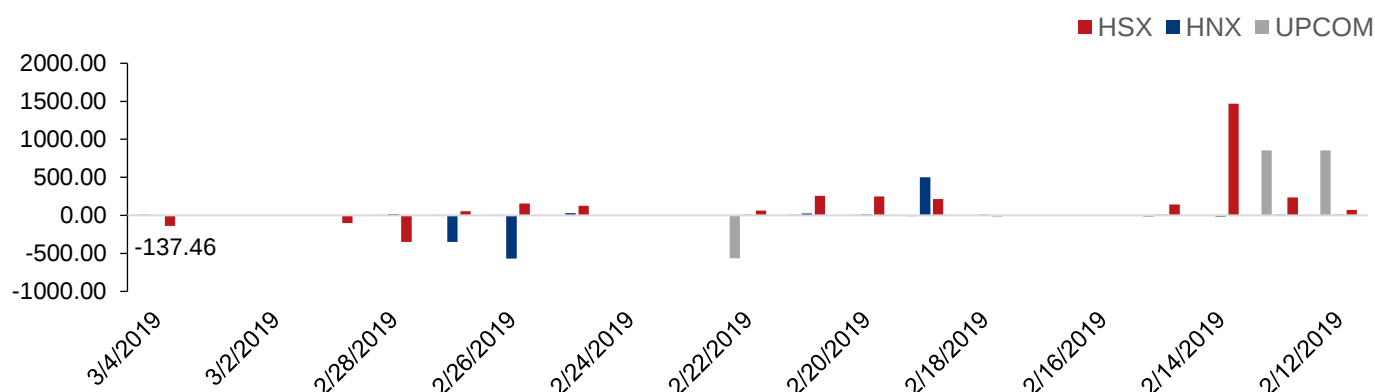
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DPS	0.70	-12.50	0.00	279100.00
TV3	39.80	-9.95	-0.02	7300.00
TTZ	8.20	-9.89	0.00	11100.00
GLT	41.80	-9.13	-0.01	100.00
SJ1	20.50	-8.89	-0.02	400.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click	
2	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click	
3	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click	
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click	
5	VM_M11_Giao dịch giằng co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click	
6	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click	
7	Vĩ mô_Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click	
8	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
9	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click	
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click	
12	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click	
13	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click	
14	Vĩ mô 2018M5_Phục hồi từ hoạt động đầu tư cơ	Phân tích vĩ mô		Click	
15	Vĩ mô 2018M4_Câu chuyện của niềm	Phân tích vĩ mô		Click	
16	Vĩ mô 2018M3_Hành trình vượt đỉnh 11	Phân tích vĩ mô		Click	
17	Vĩ mô 2018M02_Tích lũy để tăng	Phân tích vĩ mô		Click	
18	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2018M01	Phân tích vĩ mô		Click	
19	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2018	Phân tích vĩ mô		Click	
20	BSC_Vietnam Sector Review_2017_VN_Part 1	Phân tích ngành		Click	

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	VHC	Thủy sản	Theo dõi	20/12/2018	85.9	108.6	96.5	15,644	6.2	2.2	Click	
2	CSV	Hóa chất	Mua	19/12/2018	29.9	36.6	28.9	5,695	5.1	1.6	Click	
3	CMG	Công nghệ	Theo dõi	13/12/2018	24.4	27.0	29.8	1,677	17.8	2.0	Click	
4	VSC	Cảng biển	Mua	12/12/2018	42.6	50.4	43.8	5,995	7.3	1.3	Click	
5	KBC	Bất động sản	Mua	13/12/2018	14.5	18.1	14.9	1,591	9.4	0.8	Click	
6	HPG	Thép	Nắm giữ	11/12/2018	33.8	38.0	35.4	4,037	8.8	1.9	Click	
7	PVT	Vận tải	Mua	28/11/2018	16.1	21.7	17.6	2,317	7.6	1.2	Click	
8	MWG	Bán lẻ	Mua	22/11/2018	84.8	124.0	89.0	6,696	13.3	4.4	Click	
9	BMP	Nhựa	Nắm giữ	20/11/2018	55.3	60.8	53.1	5,230	10.2	1.8	Click	
10	VNM	Thực phẩm	Theo dõi	19/11/2018	115.0	124.3	142.9	5,294	27.0	9.7	Click	
11	PNJ	Bán lẻ	Mua	15/11/2018	93.5	130.7	100.9	5,874	17.2	4.5	Click	
12	FPT	Công nghệ	Mua	14/11/2017	41.7	59.1	45.0	3,902	11.5	2.2	Click	
13	DRC	Cao su	Mua	14/11/2018	21.3	27.2	22.8	1,167	19.5	1.8	Click	
14	TCM	Dệt may	Nắm giữ	13/11/2018	25.5	26.6	33.3	4,070	8.2	1.4	Click	
15	ANV	Thủy sản	Theo dõi	11/2/2018	25.9	28.3	29.1	4,811	6.0	2.0	Click	
16	CTD	Xây dựng	Mua	11/5/2018	151.5	177.9	134.2	18,357	7.3	1.3	Click	
17	HDG	Bất động sản	Mua	10/9/2017	38.3	50.2	40.7	7,493	5.4	2.2	Click	
18	GMD	Cảng biển	Mua	10/5/2018	28.4	36.8	28.1	6,153	4.6	1.4	Click	
19	EVE	Dệt may	Nắm giữ	10/2/2018	16.0	18.2	16.7	1,929	8.7	0.7	Click	
20	RAL	Tiêu dùng	Mua	21/9/2018	103.8	124.2	84.3	17,772	4.7	1.2	Click	

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

